

- GV: Mẫu chữ hoa C, L, T, S, N viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.

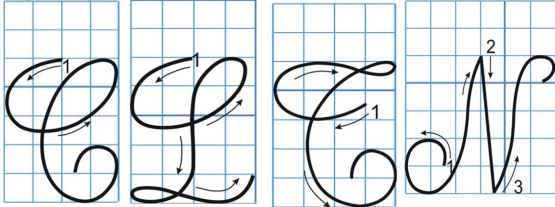
- HS: Bảng con, vở Tập viết.

## 2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p><b>1. HĐ khởi động (3 phút)</b></p> <p>- Nhận xét kết quả luyện chữ của HS trong tuần qua. Kết nối kiến thức</p> <p>- Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng</p>	<p>- Hát: <i>Chữ đẹp nét càng ngoan.</i></p> <p>- Lắng nghe</p>
<p><b>2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết (10 phút)</b></p> <p>*<b>Mục tiêu:</b> Giúp HS nắm được cách viết đúng chữ hoa, tên riêng, câu ứng dụng.</p> <p>*<b>Cách tiến hành:</b> <b>Hoạt động cả lớp</b></p>	
<p><b>Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:</b></p> <p>+ Trong tên riêng và câu ứng dụng có các chữ hoa nào?</p> <p>- Treo bảng 5 chữ.</p> <p>- Giáo viên viết mẫu cho học sinh quan sát và kết hợp nhắc quy trình.</p> <p><b>Việc 2: Hướng dẫn viết bảng</b></p> <p>- Giáo viên quan sát, nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét.</p> <p><b>Việc 3: Hướng dẫn viết từ ứng dụng</b></p> <p>- Giới thiệu từ ứng dụng: <b>Cửu Long</b></p> <p>=&gt; Là dòng sông lớn nhất nước ta, chảy qua nhiều tỉnh Nam Bộ.</p> <p>+ Gồm mấy chữ, là những chữ nào?</p> <p>+ Trong từ ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào?</p> <p>+ Khoảng cách giữa các chữ bằng chừng nào?</p> <p>-Viết bảng con</p> <p><b>Việc 4: Hướng dẫn viết câu ứng dụng</b></p> <p>- Giới thiệu câu ứng dụng.</p> <p>=&gt; Giải thích nghĩa câu ứng dụng: Công ơn của cha mẹ rất lớn lao.</p>	 <p>- C, L, T, S, N.</p> <p>- 5 Học sinh nêu lại quy trình viết.</p> <p>- Học sinh quan sát.</p> <p>- HS viết bảng con: C, L, T, S, N</p> <p>- Học sinh đọc từ ứng dụng.</p> <p>- 2 chữ: <b>Cửu Long.</b></p> <p>- Chữ C, L, g cao 2 li rưỡi, chữ u, u, o, n, cao 1 li.</p> <p>- Bảng 1 con chữ o.</p> <p>- HS viết bảng con: <b>Cửu Long.</b></p> <p>- HS đọc câu ứng dụng.</p> <p>- Lắng nghe.</p>

<p>+ Trong từ câu dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào? - Cho HS luyện viết bảng con.</p>	<p>- HS phân tích độ cao các con chữ. - Học sinh viết bảng: <b>Công, Thái Sơn, Nghĩa.</b></p>
<p><b>3. HĐ thực hành viết trong vở (20 phút)</b> *<b>Mục tiêu:</b> Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết. *<b>Cách tiến hành:</b> <b>Hoạt động cả lớp - cá nhân</b></p>	
<p><b>Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở.</b> - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + Viết 1 dòng chữ hoa <b>C</b>. + 1 dòng chữ <b>T, S, N</b>. + 1 dòng tên riêng <b>Cửu Long</b>. + 1 lần câu ứng dụng bằng cỡ chữ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. <b>Việc 2: Viết bài:</b> - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh. - Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn, giúp đỡ học sinh viết chậm. - Đánh giá, nhận xét một số bài viết của HS. - Nhận xét nhanh việc viết bài của HS.</p>	<p>- Quan sát, lắng nghe.  - Lắng nghe và thực hiện.  - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.</p>
<p><b>4. HĐ ứng dụng: (1 phút)</b></p>	<p>- Về nhà luyện viết thêm đề chữ viết đẹp hơn.</p>
<p><b>5. HĐ sáng tạo: (1 phút)</b></p>	<p>- Thực hiện quan tâm tới cha mẹ. - Tìm thêm những câu ca dao, tục ngữ nói về công lao của cha mẹ.</p>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**THỂ DỤC:**

**ÔN ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ. TRÒ CHƠI “THI XẾP HÀNG”**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập: Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số, quay phải, quay trái. Yêu cầu học sinh thực hiện những kỹ năng này ở mức tương đối chính xác.

---

- Học trò chơi: Thi xếp hàng. Yêu cầu biết cách chơi và biết tham gia chơi một cách chủ động.

**2. Kỹ năng:** Rèn một số kỹ năng về đội hình, đội ngũ.

**3. Giáo dục:** Giáo dục tinh thần rèn luyện tích cực.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL tự giải quyết vấn đề, NL tự chăm sóc và phát triển sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN:**

- Địa điểm: Sân trường bằng phẳng, an toàn khi tập luyện, vệ sinh sạch sẽ.

- Phương tiện: Còi, kẻ sân chơi trò chơi.

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP:**

<b>Nội dung</b>	<b>Định lượng</b>	<b>Phương pháp tổ chức</b>
<b>1. PHẦN MỞ ĐẦU:</b>		
- Giáo viên yêu cầu cán bộ lớp tập hợp lớp.	1' - 1 lần	- Cán bộ lớp tập hợp lớp theo 4 hàng dọc.
- Giáo viên phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học.	1' - 1 lần	- Theo 4 hàng ngang.
- Dậm chân tại chỗ, vỗ tay theo nhịp và hát.	1' - 1 lần	- Theo 4 hàng dọc.
- Chạy chậm theo 1 hàng dọc theo địa hình tự nhiên .	2' - 1 lần	- Theo 1 hàng dọc.
- Ôn đứng nghiêm, đứng nghỉ, quay phải, quay trái, điểm số từ 1 đến hết theo tổ.	2' - 2-3 lần	- Theo 4 hàng ngang.

<p><b>2. PHẦN CƠ BẢN:</b></p> <p>- Ôn tập: Tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số, quay phải, quay trái.</p> <p>- Học trò chơi: <i>Thi xếp hàng.</i></p> <p>- Giáo viên nêu tên trò chơi.</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn nội dung trò chơi và cách chơi.</p> <p>- Chạy chậm theo địa hình tự nhiên.</p>	<p>5 - 6' 3 - 4 lần</p> <p>8 - 10' 4 - 5 lần</p> <p>6-8' 3 - 4 lần</p>	<p>- Giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện theo 4 hàng dọc, ngang.</p> <p>+ Lần 1-3 : Giáo viên hướng dẫn học sinh tập.</p> <p>+ Lần 4 – 6: Chia tổ tập luyện. Học sinh trong tổ thay nhau làm chỉ huy.</p> <p>+ Lần 7: Thi đua giữa các tổ (tổ nào thua sẽ phải nắm tay nhau, vừa đi vừa hát quanh lớp).</p> <p>- Học sinh học thuộc vận điệu của trò chơi. Học sinh chơi thử 1-2 lần.</p> <p>- Học sinh cả lớp chơi.</p> <p>- Trong quá trình chơi, giáo viên thay đổi một vài vị trí đứng.</p> <p>- Theo 1 hàng dọc</p>
<p><b>3. PHẦN KẾT THÚC:</b></p> <p>- Đi thường, vừa đi vừa thả lỏng</p> <p>- Giáo viên cùng học sinh hệ thống lại bài.</p> <p>- Về nhà: Ôn tập hợp hàng ngang, dóng hàng, điểm số.</p>	<p>2' - 1 lần 2' - 1 lần</p>	<p>- Theo vòng tròn.</p> <p>- Theo 4 hàng ngang.</p> <p>- Ôn luyện ở nhà.</p>

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

*Thứ năm ngày 27 tháng 9 năm 2018*

**CHÍNH TẢ (NGHE – VIẾT):**

**ÔNG NGOẠI.**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng bài chính tả; trình bày đúng hình thức bài văn xuôi (đoạn văn trong bài: Ông ngoại).
- Tìm đúng 2 - 3 tiếng có vần *oay* (BT2).

- Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt tiếng có âm vần dễ lẫn *r/d/gi*.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng, viết đúng những chữ có phụ âm đầu *r/d/gi*.
- 3. Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ Việt.
- 4. Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

## II. CHUẨN BỊ :

### 1. Đồ dùng:

- GV: Bảng phụ viết nội dung BT3a.
- HS: SGK.

### 2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<b>1. HĐ khởi động (3 phút):</b> - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài, ghi đầu bài lên bảng.	- Hát: “Mùa hè đến” - Lắng nghe. - Mở SGK.
<b>2. HĐ chuẩn bị viết chính tả (5 phút):</b> <b>*Mục tiêu:</b> - Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài viết, luyện viết những từ ngữ khó, dễ lẫn, biết cách trình bày đúng quy định để viết cho đúng chính tả, trình bày đúng hình thức bài thơ. <b>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</b>	
<b>a. Trao đổi về nội dung đoạn chép</b> - GV đọc bài thơ một lượt. + Khi đến trường, ông ngoại đã làm gì để cậu bé yêu trường hơn? + Trong đoạn văn có hình ảnh nào đẹp mà em thích?	- 1 Học sinh đọc lại. - Ông dẫn cậu đi lang thang các lớp học, cho cậu gõ tay vào chiếc trống trường. - Hình ảnh cậu bé ghi nhớ mãi tiếng trống...
<b>b. Hướng dẫn cách trình bày:</b> - Đoạn văn gồm mấy câu?  - Những chữ nào trong đoạn văn được viết hoa?	- ...có 3 câu, câu đầu đoạn văn viết lùi vào 1 ô. + Những chữ đầu câu: Trong, Ông, Tiếng.
<b>c. Hướng dẫn viết từ khó:</b> + Trong bài có các từ nào khó, dễ lẫn?  - Giáo viên đọc từ khó, dễ lẫn cho học sinh viết.	- Học sinh nêu các từ: Vắng lặng, loang lổ, trong trẻo. - 3 học sinh viết bảng. Lớp viết bảng con.
<b>3. HĐ viết chính tả (15 phút):</b> <b>*Mục tiêu:</b> - Học sinh chép lại chính xác đoạn chính tả.	

<p>- Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí. Trình bày đúng quy định bài chính tả.</p> <p><b>*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân</b></p>	
<p>- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, quan sát kỹ từng chữ trên bảng, đọc nhầm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.</p> <p>- Cho học sinh viết bài.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Tư thế ngồi, cách cầm bút và tốc độ viết của các đối tượng M1.</p>	<p>- Lắng nghe</p> <p>- Học sinh viết bài.</p>
<p><b>4. HĐ chấm, nhận xét bài (3 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b> Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và lỗi của bạn.</p> <p><b>*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – Hoạt động cặp đôi</b></p>	
<p>- Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.</p> <p>- Giáo viên đánh giá, nhận xét 5 - 7 bài.</p> <p>- Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.</p>	<p>- Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực.</p> <p>- Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau.</p> <p>- Lắng nghe.</p>
<p><b>5. HĐ làm bài tập (7 phút)</b></p> <p><b>*Mục tiêu:</b></p> <p>- Tìm đúng 2 - 3 tiếng có vần <i>oay</i> (BT2).</p> <p>- Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt tiếng có âm vần dễ lẫn <i>r/d/gi</i>.</p> <p><b>*Cách tiến hành:</b></p>	
<p><b>Bài 2:</b> Tìm 3 tiếng có vần <i>oay</i> <b>(Làm việc nhóm đôi – Chia sẻ trước lớp)</b></p>	<p>- Làm bài nhóm đôi.</p> <p>- Chia sẻ kết quả trước lớp: =&gt; Đáp án: <i>xoay, nước xoáy, khoáy, ngoáy, ngúng nguẩy, tí toáy, loay hoay, hí hoáy, nhoay nhoáy, ngoạy, xoáy tai,...</i></p>
<p><b>Bài 3a: (Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”)</b></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Thi giải nhanh, tìm kết quả đúng.</p> <p>- Chia 3 đội HS lên bảng.</p> <p>- GV chốt lời giải đúng.</p>	<p>- 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Thi nhau nối tiếp nhau viết trên bảng.</p> <p>- Nhận xét thống nhất kết quả. =&gt; Đáp án: <i>giúp – dữ - ra</i></p>
<p><b>6. HĐ ứng dụng (1 phút)</b></p>	
	<p>- Về viết lại 10 lần những chữ đã viết sai.</p> <p>- Tìm và viết ra 5 từ có chứa tiếng bắt đầu bằng <i>d</i> hoặc <i>gi</i> hoặc <i>r</i>.</p>

<b>7. HĐ sáng tạo (1 phút)</b>	- Suu tầm các bài thơ hoặc bài hát nói về tình cảm ông cháu, chép lại cho đẹp.
--------------------------------	--

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

.....

.....

.....

**TOÁN:**

**TIẾT 19: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

- 1. Kiến thức:** Thuộc bảng nhân 6 và vận dụng được trong tính giá trị biểu thức, giải toán.
  - 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tính giá trị biểu thức, giải toán.
  - 3. Thái độ:** Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.
  - 4. Góp phần phát triển năng lực:** Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic, NL quan sát,...
- \*Bài tập cần làm:** Làm BT 1, 2, 3, 4.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng:**

- GV: SGK, bảng phụ BT4.
- HS: SGK. Bảng con.

**2. Phương pháp, kỹ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:**

<b>Hoạt động của GV</b>	<b>Hoạt động của HS</b>
<b>1. HĐ khởi động (5 phút) :</b> - Trò chơi: <i>Bác đưa thư</i> . - Tổng kết – Kết nối bài học. - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.	- HS tham gia chơi. - Lắng nghe. - Mở vở ghi bài.
<b>2. HĐ thực hành (25 phút):</b> <b>* Mục tiêu:</b> Thuộc bảng nhân 6 và vận dụng được trong tính giá trị biểu thức, giải toán. <b>* Cách tiến hành:</b>	

**Bài 1: (Cá nhân - Cặp - Lớp)**

- GV giúp HS hiểu : Trong phép nhân khi ta thay đổi thứ tự các thừa số ...thì tích không thay đổi.

**Bài 2: (Cá nhân - Cặp - Lớp)**

- GV đánh giá kết quả  
- Thống nhất kết quả làm bài.

**Bài 3: (Cá nhân - Cặp - Lớp)**

- GV lưu ý phép tính đúng

**Bài 4: (Cá nhân - Lớp)**

- GV treo bảng phụ (BT)

- Yêu cầu HS đọc.

- YC HS tìm đặc điểm của dãy số?

+ Mỗi số trong dãy này bằng số đứng ngay trước nó cộng với mấy?

+ Hãy đọc tiếp 4 số của dãy số này?

- Thống nhất kết quả - Yêu cầu HS nêu cách điền.

b) Làm tương tự.

**3. HĐ ứng dụng (4 phút)****4. HĐ sáng tạo (1 phút)**

- Học sinh đọc và làm bài cá nhân.

- Chia sẻ trong cặp.

- Chia sẻ kết quả trước lớp:

$$a) 6 \times 5 = 30 \quad 6 \times 7 = 42$$

$$6 \times 9 = 54 \quad 6 \times 10 = 60 \quad (\dots)$$

$$b) 6 \times 2 = 12 \quad 6 \times 3 = 18$$

$$2 \times 6 = 12 \quad 3 \times 6 = 18$$

- HS làm cá nhân.

- Chia sẻ cặp đôi.

- Chia sẻ kết quả trước lớp:

$$6 \times 9 + 6 = 54 + 6$$

$$= 50$$

$$6 \times 5 + 29 = 30 + 29$$

$$= 59.$$

$$6 \times 6 + 6 = 36 + 6$$

$$= 42$$

- HS làm cá nhân.

- Chia sẻ cặp đôi.

- Chia sẻ kết quả trước lớp:

4 học sinh mua số quyển vở là:

$$6 \times 4 = 24 \text{ ( quyển)}$$

Đáp số: 24 quyển vở

- 2HS đọc bài.

- Cả lớp tìm đặc điểm của dãy số này.

+ Mỗi số trong dãy này bằng số đứng ngay trước nó cộng thêm 6 đơn vị.

- 30, 36, 42, 48.

$$a. 12 ; 18 ; 24 ; 30 ; 36 ; 42 ; 48$$

$$b. 18 ; 21 ; 24 ; 27 ; 30 ; 33 ; 36$$

- (Thực hiện tương tự câu a).

- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Trình bày lại bài giải của bài 3.



- Giáo viên đưa ra bài toán có phép tính sử dụng phép nhân 6.	- Thực hiện theo yêu cầu của giáo viên.
---	---

### ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

### TẬP LÀM VĂN: NGHE – KỂ: “DẠI GÌ MÀ ĐỐI” ĐIỀN VÀO GIẤY TỜ IN SẴN

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức:**

- Nghe kể câu chuyện “*Dại gì mà đối*” nhớ nội dung câu chuyện kể lại tự nhiên, giọng hồn nhiên.
- Điền đúng nội dung vào mẫu điện báo.
- Điều chỉnh: Không làm bài tập 2.

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng nghe, nói và viết.

**3. Thái độ:** Yêu thích môn học.

**4. Góp phần phát triển năng lực:** NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

\**GDKNS:*

- *Giao tiếp.*
- *Tìm kiếm, xử lí thông tin.*

#### II. CHUẨN BỊ:

##### **1. Đồ dùng:**

- GV: Tranh minh họa truyện *Dại gì mà đối*. Bảng phụ ghi 3 câu hỏi trong SGK.

- HS: SGK

##### **2. Phương pháp, kỹ thuật:**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

#### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
<b>1. HĐ khởi động (3 phút):</b> - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới. - Ghi đầu bài lên bảng.	- Hát bài: <i>A – li – ba - ba</i> - Mở SGK.

## 2. HĐ thực hành: (30 phút)

### \*Mục tiêu:

- Nghe kể câu chuyện “Đại gì mà dối” nhớ nội dung câu chuyện kể lại tự nhiên, giọng hồn nhiên.
- Điền đúng nội dung vào mẫu điện báo.

### \*Cách tiến hành: Cá nhân - Cặp đôi - Cả lớp

#### Bài 1:

- Gọi HS đọc đề bài.
  - Yêu cầu cả lớp quan sát tranh minh họa trong SGK, đọc thầm các gợi ý.
  - GV kể mẫu lần 1.
  - GV đặt câu hỏi gợi ý để giúp HS nhớ lại nội dung câu chuyện?
    - + Vì sao mẹ dọa đổi cậu bé?
    - + Cậu bé trả lời mẹ như thế nào?
    - + Vì sao cậu bé nghĩ như vậy?
  - + Truyện này buồn cười ở điểm nào?
- 
- GV kể lần 2.
  - GV gọi HS M3 kể lại câu chuyện.
  - Gv tổ chức cho HS kể chuyện theo nhóm đôi.
  - Tổ chức thi kể chuyện.
  - Nhận xét tuyên dương HS kể chuyện hay.
  - + Truyện này buồn cười ở điểm nào?

\*Lưu ý cho Hs tham khảo thêm nội dung: *Điền đúng nội dung vào mẫu điện báo.*

- 2 HS đọc đề bài.
- Quan sát tranh và đọc thầm các gợi ý.
- HS lắng nghe.
- + *Vì cậu rất nghịch.*
- + *Mẹ sẽ chẳng đổi được đâu.*
- + *Cậu cho rằng không ai đổi đứa con ngoan lấy đứa con nghịch ngợm.*
- + *Cậu bé nghịch ngợm 4 tuổi cũng biết không ai muốn đổi đứa con ngoan lấy đứa con nghịch ngợm.*
- HS lắng nghe.
- 1 HS kể câu chuyện.
- HS kể trong nhóm.
- Từng cặp HS thi kể chuyện.
- *Truyện buồn cười vì cậu bé nghịch ngợm mới 4 tuổi cũng biết rằng không ai muốn đổi 1 đứa con ngoan lấy 1 đứa con nghịch ngợm.*

#### 3. HĐ ứng dụng (1 phút):

#### 4. HĐ sáng tạo (1 phút):

- Về nhà kể lại truyện cho người thân nghe.
- Thực hiện lối sống đẹp, trân trọng, yêu thương và quan tâm tới mọi người trong gia đình.

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**